

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo KT- KT, thiết kế BVTC và dự toán  
Công trình: Trường THCS xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa  
Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/7/2020 của HĐND huyện Triệu Sơn về việc hỗ trợ xây dựng các công trình cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn huyện;*

*Căn cứ Quyết định số 6212/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND huyện Triệu Sơn về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng các công trình cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn huyện;*

*Theo đề nghị của các ông: Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 212/TĐ-KTHT ngày 16/9/2020; Chủ tịch UBND xã Thọ Bình tại Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 11/9/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế BVTC và dự toán công trình Trường THCS xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên công trình: Trường THCS xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn .**
- 2. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học.**
- 3. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.**
- 4. Chủ đầu tư: UBND xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn.**
- 5. Đơn vị khảo sát thiết kế, lập dự toán xây dựng: Công ty TNHH xây dựng và thương mại Đông Trường Sơn.**

**6. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Đầu tư xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng đảm bảo nhu cầu dạy và học của Trường THCS xã Thọ Bình, đảm bảo các tiêu chí Trường chuẩn Quốc gia.

**7. Địa điểm xây dựng:** Xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**8. Quy mô, các giải pháp thiết kế chủ yếu công trình.**

**8.1. Giải pháp kiến trúc:**

Công trình có mặt bằng hình chữ nhật, kích thước 9,0m x 54,85m, gồm 02 tầng; hành lang rộng 2,4m; cầu thang chính rộng 4,2m và cầu thang thoát hiểm rộng 3,0m; chiều cao các tầng nhà 3,6m, chiều cao từ cos nền nhà đến cos đỉnh mái là 9,4m. Các tầng được bố trí:

- Tầng 1 gồm: Gồm 5 phòng học diện tích 56m<sup>2</sup> và 01 phòng bộ môn diện tích 17,4m<sup>2</sup>.

- Tầng 2 gồm: Gồm 5 phòng học diện tích 56m<sup>2</sup> và 01 phòng nghỉ giáo viên diện tích 17,4m<sup>2</sup>.

- Tường xây gạch không nung 2 lỗ (6,5x10,5x22)cm VXM M50#, trát trong và ngoài VXM M75# d=15; Nền nhà lát gạch granit 500x500 ;

- Cửa đi, cửa sổ, vách kính cố định là cửa nhựa uPVC lõi thép gia cường, kính dán 2 lớp an toàn dày 6,38 ly; hoa sắt cửa sổ thép vuông đặc 14x14mm, sơn tĩnh điện.

- Mái xây tường thu hồi gạch không nung 2 lỗ (6,5x10,5x22)cm VXM 50#, xà gồ thép hộp 60x40x2; mái lợp tôn liên doanh dày 0,4mm chống nóng.

- Lan can tầng 1, tầng 2 bằng thép hộp, sơn tĩnh điện; lan can cầu thang chính bằng sắt hộp, sơn tĩnh điện, tay vịn gỗ nhóm III; lan can cầu thang thoát hiểm xây gạch không nung 2 lỗ (6,5x10,5x22)cm VXM 50#, tay vịn Inox D60. Bậc cầu thang, bậc tam cấp xây bằng gạch không nung VXM M50#, mặt bậc ốp đá granit tự nhiên.

- Công trình được lán sơn trực tiếp 1 nước lót 2 nước phủ.

**8.2. Giải pháp kết cấu :**

- Phần móng: Móng trụ BTCT M200# đá 1x2; móng dưới tường xây gạch không nung đặc vừa XM75#; trên móng có hệ giằng móng BTCT đá 1x2 M200# đổ tại chỗ, tiết diện giằng móng 220x300.

- Phần thân: Nhà kết cấu khung sàn chịu lực; Hệ cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 M200# đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình 220x600mm, 220x500, 220x350mm; tiết diện cột điển hình 220x450; 220x400; 220x220mm. Sàn BTCT đá 1x2 dày 10cm; bản BTCT cầu thang bộ dày 10cm.

**8.3. Giải pháp cấp điện, chống sét:**

- Cấp điện: Được lấy từ mạng điện hiện có kéo vào công trình bằng cáp CU/XLPE/DSTA/PVC 2x10+1x6mm<sup>2</sup>. Nguồn điện từ tủ điện tổng đến tủ điện các tầng bằng cáp Cu/PVC 2x10mm<sup>2</sup>; dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x1,5mm<sup>2</sup>, 2x2,5mm<sup>2</sup>, 2x6mm<sup>2</sup>. Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen nhựa cứng đi ngầm trong tường và trần.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép  $\phi$ 16 dài 1,0m, dây dẫn sét thép  $\phi$ 10. Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,5m, chôn sâu cách mặt đất 0,8m, dây tiếp địa thép  $\phi$ 12.

**8.4. Giải pháp thoát nước:**

Nước mưa trên mái được thu về sê nô xung quanh mái vào các ống đứng thoát nước PVC D110 và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

**8.5. Phòng cháy, chữa cháy trong nhà:**

Hệ thống phòng cháy chữa cháy trong nhà gồm: 04 hộp đựng bình chữa cháy; mỗi hộp có 02 bình chữa cháy MFZ4 và 01 bình CO2MT3; bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy được đặt tại vị trí cầu thang và hành lang.

#### **8.6. Tường rào, sân bê tông:**

- Tường rào dài  $L = 96,5\text{m}$ : Móng dưới tường xây gạch không nung đặc vữa XM50#; trên móng có hệ giằng móng BTCT đá 1x2 M200# đổ tại chỗ, tiết diện giằng móng 220x200; xây tường rào, trụ tường rào gạch không nung đặc vữa XM50#; trát tường, trụ vữa XM75#  $d=15$ , quét vôi ve.

- Sân bê tông quanh nhà diện tích 460m<sup>2</sup>: Lớp cát tạo phẳng dày 3cm, lớp ni lông tái sinh chống mất nước, bê tông nền M200 đá 1x2 dày 10cm; cắt khe 1x4 chia ô 5,0mx5,0m chống nứt mặt sân.

### **9. Giá trị dự toán và nguồn vốn.**

#### **9.1. Giá trị dự toán : 6.522.290.000đ.**

*(Sáu tỷ, năm trăm hai mươi hai triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng)*

Trong đó:

- Chi phí GPMB (Tạm tính):	150.000.000đ;
- Chi phí xây lắp:	4.976.956.000đ;
- Chi phí thiết bị (Tạm tính):	350.000.000đ;
- Chi phí QLDA:	148.494.269đ;
- Chi phí TVĐTXD:	500.023.107đ;
- Chi phí khác:	86.231.581đ;
- Chi phí dự phòng:	310.585.248đ;

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

**9.2. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn hỗ trợ từ ngân sách huyện theo Quyết định số 6212/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND huyện Triệu Sơn, ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**10. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

**11. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2020.

**Điều 2.** Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây Dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo; Nông nghiệp và PTNN; Chủ tịch UBND xã Thọ Bình; Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện Triệu Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

## PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG THCS XÃ THỌ BÌNH, HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**HẠNG MỤC: NHÀ LỚP HỌC 2 TẦNG 10 PHÒNG**

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-UBND ngày /9/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

ĐVT: VNĐ

TT	DIỄN GIẢI	KÝ HIỆU	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	VAT(10%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB (TẠM TÍNH)</b>	Ggpmb	<b>150.000.000</b>		<b>150.000.000</b>
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	Gxd	<b>4.524.505.455</b>	<b>452.450.545</b>	<b>4.976.956.000</b>
1	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng		4.316.473.636	431.647.364	4.748.121.000
2	Tường rào		150.726.364	15.072.636	165.799.000
3	Sân bê tông		57.305.455	5.730.545	63.036.000
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ THIẾT BỊ (TẠM TÍNH)</b>	Gtb	<b>318.181.818</b>	<b>31.818.182</b>	<b>350.000.000</b>
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	Gqlđa	<b>148.494.269</b>		<b>148.494.269</b>
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	Gtv	<b>454.566.461</b>	<b>45.456.646</b>	<b>500.023.107</b>
1	Chi phí khảo sát địa chất, địa hình		59.350.909	5.935.091	65.286.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật		204.055.196	20.405.520	224.460.716
3	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán		22.984.488	2.298.449	25.282.936
4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng		19.545.864	1.954.586	21.500.450
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng		148.630.004	14.863.000	163.493.005
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	Gk	<b>80.353.627</b>	<b>5.877.954</b>	<b>86.231.581</b>
1	Chi phí thẩm định Báo cáo KTKT		619.618		619.618
2	Bảo hiểm công trình		3.619.604	361.960	3.981.565
3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu		4.524.505		4.524.505
4	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		16.429.960		16.429.960
5	Chi phí kiểm toán		55.159.940	5.515.994	60.675.934
<b>VII</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	Gdp	<b>283.805.081</b>	<b>26.780.166</b>	<b>310.585.248</b>
1	Dự phòng do yếu tố phát sinh khối lượng		283.805.081	26.780.166	310.585.248
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5.959.906.711</b>	<b>562.383.494</b>	<b>6.522.290.205</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>				<b>6.522.290.000</b>
<b>(Sáu tỷ, năm trăm hai mươi hai triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng)</b>					